

600080

2013

600080

450

2013 17

2.1

)! : Q :D

Q

Q

Q

£ (%)

	2013	2012
3.1	4,345,342.69	51.19%
1	11,465,517.67	52.60%
2	5,816,064.93	82.16%
3	3,759,492.32	167.08%
4	11,605,711.72	4408.52%
5	2,497,847.28	
6	2,937,931.34	
7	78,000,000.00	
8	490,015.05	
9	6,733,214.48	666.12%
10	5,229,555.07	3632.59%
3.2		
3.3	5%	
3.4		

Ā L

4. 1

Š

2013 H 9 Ü 30¹

4č! : SMD

) Ö

ČĎ

BÖA

NĀ	ŠĎ	ĀĎ
Ď		
Ď	109, 314, 387. 33	127, 427, 439. 01
4\$Ď		
Ė		

Đ	853,986,064.19	836,837,601.42
Đ	1,141,931,836.61	1,124,048,767.77
Đ		
-Đ		
Đ		
,Đ		
Đ		
Đ		
HĐ	819,453.80	902,798.00
B	34,357,724.21	36,530,091.18
M	13,948,083.41	13,003,355.72
Đ		
HĐ		
HĐ	5,829,878.08	7,841,661.71
HĐ	6,913,737.77	7,953,260.87
Đ		
HĐ	392,600.00	392,600.00
B !	76,968,840.92	87,947,195.67
Đ		
Đ		
)Đ		
)Đ		
Đ		
Đ		
Đ	139,230,318.19	154,570,963.15
Đ		
Đ		
Đ		
M	11,868,968.05	263,256.33
M Đ	0.00	
Đ	6,844,181.76	6,996,274.69
Đ		
Đ	18,713,149.81	7,259,531.02
Đ	157,943,468.00	161,830,494.17
Đ		
Đ	305,295,872.00	305,295,872.00
Đ	252,598,614.91	252,598,614.91
Đ		
Đ		
,Đ	92,230,396.47	92,230,396.47
Đ	0.00	
Đ	332,067,918.25	310,242,004.80
Đ	0.00	
Đ	982,192,801.63	960,366,888.18

စီစဉ်	1, 795, 566. 98	1, 851, 385. 42
ပုံနှိပ်	983, 988, 368. 61	962, 218, 273. 60
စုစုပေါင်း	1, 141, 931, 836. 61	1, 124, 048, 767. 77

① : 0 1 2 3 : 4 5 : 6

2013 H 9 Ü 30 ¹

4e! : ~~4e!~~

)! : Ñ : Ñ : Ñ : Ñ

Đ	Đ	Đ
Đ	54, 411, 878. 91	66, 501, 188. 45
Đ		
Đ	12, 751, 286. 78	7, 929, 559. 61
Đ	62, 124, 297. 50	63, 196, 202. 56
Đ	31, 639, 914. 11	19, 998, 430. 30
Đ		
Đ		
Đ	7, 124, 320. 75	1, 668, 568. 80
Đ	27, 055, 920. 14	30, 205, 973. 79
Đ		
Đ	2, 263, 109. 19	3, 863, 110. 08
Đ	197, 370, 727. 38	193, 363, 033. 59
Đ		
Đ		
Đ		
Đ		
Đ	699, 362, 707. 91	699, 362, 707. 91
Đ		
Đ	92, 781, 166. 76	94, 333, 322. 45
Đ	31, 169, 490. 61	31, 060, 470. 61
Đ		
Đ		
Đ		
Đ		
Đ	43, 268, 381. 32	45, 615, 155. 87
Đ	6, 009, 578. 76	2, 250, 086. 44
Đ		
Đ		
Đ	690, 878. 88	636, 934. 42
Đ	30, 000, 000. 00	
Đ	903, 282, 204. 24	873, 258, 677. 70
Đ	1, 100, 652, 931. 62	1, 066, 621, 711. 29
Đ		
Đ		

6		
HB		
B		

9

4

6

2013	12,653.88	8,374.76	-55,818.44	-36,387.11
------	-----------	----------	------------	------------

2013 : 12,653.88 : 8,374.76 : -55,818.44 : -36,387.11

2013 : 12,653.88 : 8,374.76 : -55,818.44 : -36,387.11

4yXG

0X\$		
0X\$		
0X\$		
¥, X\$		

2013 H 10 Ü 24¹2013 H 10 Ü 24¹